

Số: 4203 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 04 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông và không liên thông cấp xã, cấp tỉnh trong lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Địa chất và khoáng sản; Lâm nghiệp và kiểm lâm; Thủy sản và kiểm ngư; Tài nguyên nước; Quản lý đề điều và phòng chống thiên tai; Chăn nuôi; Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về Công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1484/TTr-SNNMT ngày 28 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính liên thông cấp tỉnh và 08 thủ tục hành chính không liên thông (gồm 04 quy trình cấp tỉnh và 04 quy trình cấp xã) trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4124/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông và thủ tục hành chính không liên thông trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, rà soát, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, NNMT, PVHCC ^(KSTT).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 05 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG VÀ 08 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP TỈNH, CẤP XÃ TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (09 TTHC)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG (05 TTHC)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP						
1	-	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) 1.000058	7,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc 5,25 ngày làm việc 02 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm). Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) thẩm định hồ sơ, giải quyết, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng kiểm tra kết quả: 0,5 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc. 2.5. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày làm việc. 2.6. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,5 ngày làm việc. Bước 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết,	Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 01/6/2026

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				làm việc	cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký duyệt văn bản: 1,5 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,5 ngày làm việc.	
2	-	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ¹ 1.000081	11,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm).	Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 01/6/2026
				9,25 ngày làm việc	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) thẩm định hồ sơ, giải quyết, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 7,25 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng kiểm tra kết quả: 0,25 ngày làm việc 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc 2.5. Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả thẩm định: 01 ngày làm việc 2.6. Văn thư vào sổ và chuyển kết quả đến Văn phòng	

¹ Theo Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai, thời gian giải quyết TTHC mã số 1.00081 theo công bố trên hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia: 25 ngày làm việc; thực hiện theo phương án cắt giảm TTHC đã được phê duyệt tại Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh (lần 2) đối với TTHC này tỷ lệ cắt giảm 54,44%. Tổng thời gian còn lại: 11,5 ngày làm việc

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,25 ngày làm việc	
				02 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên giải quyết trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: 1,5 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,5 ngày làm việc.	
3	-	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý 1.012690	7,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm).	
				4,75 ngày làm việc	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) thẩm định hồ sơ, giải quyết, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 3,25 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng kiểm tra kết quả: 0,25 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc. 2.5. Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả thẩm định: 0,5 ngày làm việc. 2.6. Văn thư vào sổ và chuyển kết quả đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,25 ngày làm việc.	Quyết định số 2369/QĐ- UBND ngày 01/6/2026
				2,5 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết, cụ thể:	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					3.1. Chuyên viên giải quyết trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: 2,25 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,25 ngày làm việc.	
4	-	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ² 1.012921	7,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc 4,75 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm). Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) thẩm định hồ sơ, giải quyết, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 3,25 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng kiểm tra kết quả: 0,25 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc. 2.5. Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả thẩm định: 0,5 ngày làm việc. 2.6. Văn thư vào sổ và chuyển kết quả đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,25 ngày làm việc.	Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 01/6/2026

² Theo Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai, thời gian giải quyết TTHC mã số 1.012921 thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc; thực hiện theo phương án cắt giảm TTHC đã được phê duyệt tại Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh (lần 2) đối với TTHC này tỷ lệ cắt giảm 50%. Tổng thời gian còn lại: 7,5 ngày làm việc

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				2,5 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên giải quyết trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: 2,25 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,25 ngày làm việc.	
5	STT 01-V, Mục A, Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES 3.000496	12 ngày làm việc	1.1. Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu		Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 13/7/2025
				A. Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền Chi cục Kiểm lâm		
				0,25 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm)	
				6,5 ngày làm việc	Bước 2. Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và phát triển rừng) tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng kiểm tra và thông qua: 0,25 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm ký duyệt: 0,5 ngày làm việc 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cites Việt Nam thụ lý: 0,5 ngày làm việc.	
				01 ngày	Bước 3. Cơ quan quản lý Cites Việt Nam giải quyết	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				làm việc	gửi hồ sơ cho Ban Thư ký CITES.	
				Không quy định thời gian	Bước 4. Ban Thư ký CITES giải quyết Thông báo chấp thuận/ từ chối duyệt hồ sơ của Ban Thư ký CITES gửi Cơ quan quản lý CITES Việt Nam.	
				01 ngày làm việc	Bước 5. Cơ quan quản lý CITES Việt Nam giải quyết, gửi Thông báo chấp thuận/ từ chối duyệt hồ sơ của Ban Thư ký CITES cho Chi cục Kiểm lâm: 01 ngày làm việc.	
				03 ngày làm việc	Bước 6: Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và phát triển rừng), giải quyết hồ sơ, cụ thể: 6.1. Trường hợp cấp mã số: 03 ngày làm việc. 6.1.1. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc. 6.1.2. Lãnh đạo Phòng kiểm tra và thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc. 6.1.3. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc. 6.1.4. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh: 0,25 ngày làm việc.	
				0,25 ngày làm việc	Bước 7. Trả kết quả: Sau khi tiếp nhận kết quả từ Chi cục Kiểm lâm, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh chuyển trả kết quả đến tổ chức, cá nhân.	
			09 ngày làm việc		1.2. Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam	
					A. Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền Chi cục Kiểm lâm	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				0,25 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh/xã tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm)	
				1,75 ngày làm việc	Bước 2. Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và phát triển rừng) tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 0,75 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng kiểm tra và thông qua: 0,25 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm ký duyệt Văn bản: 0,25 ngày làm việc. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển hồ sơ đến Cơ quan Khoa học Cites Việt Nam thụ lý: 0,25 ngày làm việc.	
				06 ngày làm việc	Bước 3: Cơ quan Khoa học Cites Việt Nam giải quyết.	
				01 ngày làm việc	Bước 4: Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và phát triển rừng) giải quyết, cụ thể: 4.1. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc. 4.2. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,125 ngày làm việc. 4.3. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc. 4.4. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,125 ngày làm việc.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				B. Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền Chi cục Thủy sản		
				0,25 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh/xã tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy sản)	
				1,75 ngày làm việc	Bước 2. Chi cục Thủy sản (Phòng Nuôi trồng thủy sản) tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng kiểm tra và thông qua: 0,25 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Thủy sản ký duyệt Văn bản: 0,25 ngày làm việc. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển hồ sơ đến Cơ quan Khoa học Cites Việt Nam thụ lý: 0,25 ngày làm việc.	
				07 ngày làm việc	Bước 3: Cơ quan Khoa học Cites Việt Nam giải quyết.	
				01 ngày làm việc	Bước 4: Chi cục Thủy sản (Phòng Nuôi trồng thủy sản) giải quyết, trả kết quả cho tổ chức, công dân, cụ thể: 4.1. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc. 4.2. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,125 ngày làm việc. 4.3. Lãnh đạo Chi cục Thủy sản duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					4.4. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,125 ngày làm việc.	
Tổng cộng: 05 TTHC						

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG (04 TTHC)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm PVHCC cấp tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp tỉnh)	
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM								
1	STT 02-II, Mục II, Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 08/10/2025	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương	13,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và phát triển rừng) thẩm định hồ sơ, giải quyết: 10,75 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên xử lý hồ sơ: 9,5 ngày làm việc	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 02 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 17/7/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm PVHCC cấp tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp tỉnh)	
		quản lý được liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý 3.000501			2.3. Lãnh đạo Phòng duyệt văn bản: 0,5 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua văn bản dự thảo: 0,5 ngày làm việc.			
2	STT 04-I, Mục A, Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên 1.000047	03 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm khu vực (Cơ quan Kiểm lâm sở tại) giải quyết: 2,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm phân công Kiểm lâm viên thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc.	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 13/7/2025
3	STT 02-I, Mục A, Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết	10 ngày làm việc	3.1. Đối với trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác				Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 13/7/2025
				0,5 ngày làm việc	Chi cục Kiểm lâm thẩm định hồ sơ, giải quyết: 08 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Sử dụng	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày làm	0,5 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm PVHCC cấp tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp tỉnh)	
		của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng 1.011470			và phát triển rừng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 01 ngày làm việc.	việc		
				3.2. Đối với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác				
			4,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Kiểm lâm thẩm định hồ sơ, giải quyết: 2,75 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 1,75 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
				(3A) Trung tâm PVHCC cấp tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp tỉnh)		
					2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.				
4	STT 01-I, Mục A, Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước Cites 3.000496	4.1. Trường hợp không kiểm tra thực tế (không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu).						Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 13/7/2025
			03 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	A. Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận, giải quyết: 1,75 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng kiểm tra và thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc		
				0,25 ngày làm việc	B. Chi cục Thủy sản tiếp nhận, giải quyết: 1,75 ngày làm việc, cụ thể:	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm PVHCC cấp tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp tỉnh)	
					2.1. Lãnh đạo Phòng Nuôi trồng thủy sản phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng kiểm tra và thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.	ký duyệt: 0,5 ngày làm việc		
				4.2. Trường hợp kiểm tra thực tế				
			7,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	A. Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận, giải quyết: 6,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng kiểm tra và thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
				0,25 ngày làm việc	B. Chi cục Thủy sản tiếp nhận, giải quyết: 6,5 ngày làm việc, cụ thể:	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,25 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm PVHCC cấp tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp tỉnh)	
					2.1. Lãnh đạo Phòng Nuôi trồng thủy sản phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng Nuôi trồng thủy sản kiểm tra và thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	ký duyệt: 0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng: 04 TTHC								

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (04 TTHC)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG (04 TTHC)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm PVHCC cấp xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND cấp xã, phường (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp xã, phường)	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm PVHCC cấp xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND cấp xã, phường (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp xã, phường)	
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM								
1	-	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư 1.007919	4,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã giải quyết: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên tổ chức kiểm tra, thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định: 03 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã thông qua kết quả thẩm định: 0,25 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 01/6/2026
2	-	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là	7,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã giải quyết: 6,5 ngày làm việc, cụ thể:	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm PVHCC cấp xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND cấp xã, phường (Bước 3: Ký duyet)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp xã, phường)	
		hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác ³ 3.000250			2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả thẩm định: 0,25 ngày làm việc.			
3	STT 01-I, Mục III, Quyết định số 2130/QĐ- UBND	Thẩm định, phê duyet hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu trong rừng	12 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, phường thẩm định hồ sơ, giải quyết: 10,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân	01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 766/QĐ- UBND ngày 17/7/2025

³ Theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai, TTHC mã số 3.000250 và trên cổng DVCQG thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc; thực hiện theo phương án cắt giảm TTHC đã được phê duyệt tại Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh (lần 2) đối với TTHC này tỷ lệ cắt giảm 50%. Tổng thời gian còn lại: 7,5 ngày làm việc

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm PVHCC cấp xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND cấp xã, phường (Bước 3: Ký duyet)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp xã, phường)	
	ngày 08/10/2025	đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư 3.000502			công thụ lý: 0,5 ngày. 2.2. Chuyên viên xử lý hồ sơ: 09 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng duyệt văn bản: 01 ngày làm việc.			
4	STT 01-I, Mục B, Quyết định số 1424/QĐ- UBND ngày 14/8/2025	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã 1.011471	10 ngày làm việc	4.1. Đối với trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác				Quyết định số 678/QĐ- UBND ngày 13/7/2025
				0,5 ngày làm việc	Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, phường thẩm định hồ sơ, giải quyết : 08 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 07 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã thông qua kết quả thẩm định: 0,5 ngày làm việc.	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
			3,5 ngày làm việc	4.2. Đối với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác				

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm PVHCC cấp xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND cấp xã, phường (Bước 3: Ký duyet)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC cấp xã, phường)	
				0,25 ngày làm việc	Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã giải quyết: 2,5 ngày làm việc, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả thẩm định: 0,25 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
Tổng cộng: 04 TTHC								